

Số: 590/TB-ĐHCNQN

Quảng Ninh, ngày 21 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO

Về việc Bán thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư
theo Quyết định số 814/QĐ-ĐHCNQN ngày 21/10/2026
của Trường ĐH Công nghiệp Quảng Ninh

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, luật Đầu tư, Luật đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 666/QĐ-ĐHCNQN ngày 09 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng về ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 198/2026/2609064/TĐG/VCA-CTTĐG ngày 12/10/2026 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định Việt Nam.

Căn cứ Quyết định số 814/QĐ-ĐHCNQN ngày 21/10/2026 của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh về việc phê duyệt hình thức thanh lý và giá bán thanh lý tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh năm 2026.

Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh năm 2026 thông báo về việc Bán tài sản công theo Quyết định số 814/QĐ-ĐHCNQN ngày 21/10/2026 như sau:

1. Đơn vị có tài sản thanh lý:

Tên đơn vị: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Địa chỉ: Khu Yên Sơn, Phường Mạo Khê, Thành phố Quảng Ninh.

2. Thông tin tài sản thanh lý:

- Danh mục thanh lý: Tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư thanh lý năm 2026;
- Giá bán thanh lý: **151.534.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, năm trăm ba mươi tư ngàn đồng chẵn đồng);

Giá trên không bao gồm các chi phí liên quan đến việc vận chuyển di dời, quản lý, xử lý tài sản, thuế, phí... theo quy định của Pháp luật;

Nguyên tắc bán: Bán toàn bộ danh mục đã niêm yết, không tách lẻ (Chi tiết theo phụ lục kèm thông báo);

- Hình thức thanh lý: Bán tài sản công theo hình thức chỉ định;

- Hình thức nộp tiền mua tài sản: Chuyển khoản hoặc tiền mặt;
- Tên Tài khoản: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh;
- Số tài khoản: 1038006688 - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Hạ Long
- Mã số thuế: 5700374715;
- Mã QHNS: 1054142.

3. Xem tài sản, đăng ký mua tài sản thanh lý:

3.1. Thời gian, địa điểm, người liên hệ (đại diện của Trường):

- Thời gian: Từ 14h giờ 00 phút ngày 22/10/2026 đến 14 giờ 00 phút ngày 28/10/2026 (trong giờ hành chính);

- Địa điểm: Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh; Địa chỉ: Khu Yên Sơn, Phường Mạo Khê, Thành phố Quảng Ninh.

- Đại diện của Trường: Nguyễn Thị Thúy – Phòng Kế hoạch Tài chính; Điện thoại: 0983818928, được phân công hỗ trợ, hướng dẫn và tiếp nhận các Hồ sơ mua tài sản thanh lý.

- Hồ sơ mua thanh lý gồm:

+ Bản đăng ký mua tài sản thanh lý theo mẫu của Trường và điền đầy đủ nội dung;
+ Căn cước công dân kèm theo giấy giới thiệu, đăng ký kinh doanh của đơn vị mua (nếu người mua là cá nhân chỉ cần mang CCCD);

- Trong trường hợp đến 14 giờ 00 phút ngày 28/10/2026 không có đơn vị nào nộp hồ sơ đăng ký mua tài sản thanh lý thì Nhà trường sẽ tiếp tục gia hạn thời gian để tiếp nhận hồ sơ.

3.2. Nguyên tắc lựa chọn người mua thanh lý và thông báo người được chỉ định:

- Nguyên tắc lựa chọn người mua: Chỉ định cho đơn vị hoặc cá nhân đến nộp hồ sơ đầu tiên và đáp ứng đủ các quy định của Pháp luật.

4. Quy định về người không được tham gia mua tài sản:

- Người không có năng lực hành vi dân sự, người bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi hoặc người tại thời điểm đăng ký mua tài sản không nhận thức, làm chủ được hành vi của mình.

- Người có thẩm quyền quyết định bán tài sản, người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

- Cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh ruột, chị ruột, em ruột của người có thẩm quyền quyết định bán tài sản, người trực tiếp giám định, đánh giá lại giá trị tài sản.

Thông báo này được thông báo công khai tại trụ sở làm việc của Trường tại cơ sở I – Mạo Khê để các tổ chức và cá nhân có nhu cầu mua tài sản thanh lý biết đăng ký mua theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, KHTC



PHỤ LỤC

(Kèm Thông báo số 590/QĐ-ĐHCNQN ngày 21/10/2026 của Trường ĐH CN Quảng Ninh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
I	Danh mục TSCĐ bán thanh lý				
1	Máy kéo bông sen	Cái	1	3.692.560	3.692.560
2	Súng bắn hơi loại to	Cái	1	381.810	381.810
3	Bộ dụng cụ 93 chi tiết đồ nguội	Bộ	1	590.050	590.050
4	Kích cá sấu loại 1,5 tấn	Cái	1	45.950	45.950
5	Mô hình bể cắt động cơ xăng 4 kỳ	Cái	1	1.338.900	1.338.900
6	Điều hoà nhiệt độ Panasonic	Cái	1	248.320	248.320
7	Máy tính xách tay Acer	Cái	1	59.990	59.990
8	Máy chiếu Panasonic PTLB 78 EA	Bộ	1	51.270	51.270
9	Máy tính xách tay HP435-QC552P	Cái	1	59.990	59.990
10	Máy tuyển nổi thí nghiệm	Cái	1	1.172.440	1.172.440
11	Máy tuyển từ khô	Cái	1	1.487.320	1.487.320
12	Máy tuyển từ ướt	Cái	1	1.487.320	1.487.320
13	Máy nghiền bi sứ	Cái	1	839.280	839.280
14	Máy nghiền bốn cối	Cái	1	779.070	779.070
15	Máy đập trục	Cái	1	2.629.660	2.629.660
16	Máy đập hàm	Cái	1	1.658.270	1.658.270
17	Máy nghiền bi sắt	Cái	1	1.606.410	1.606.410
18	Cân điện tử	Cái	1	149.490	149.490
19	Bàn đãi thí nghiệm	Cái	1	283.850	283.850
20	Máy tuyển lắng thí nghiệm	Cái	1	201.770	201.770
21	Hệ thống xiclon	Cái	1	8.194.020	8.194.020
22	Máy kéo - nén vụn năng	Cái	1	1.133.650	1.133.650
23	Ổn áp 20A 3 pha (T9/2010)	Cái	1	82.630	82.630
24	Máy chiếu Panasonic PTLB 78 EA	Cái	4	51.270	205.080
25	Máy tính xách tay AUSX42F	Cái	1	59.990	59.990
26	Thiết bị thí nghiệm đo lường cảm biến	Cái	1	82.630	82.630
27	KTT vi điều khiển 89C51, 89C52	Bộ	1	82.630	82.630
28	KTT vi điều khiển PIC:16F	Bộ	1	82.630	82.630
29	Modul vận tải	Bộ	1	82.630	82.630
30	Modul đo mức nước	Bộ	1	82.630	82.630
31	Modul ứng dụng vi điều khiển PIC	Bộ	1	82.630	82.630

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thành lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
32	KTT thực hiện lập trình tạo rơ le	Bộ	1	82.630	82.630
33	Modul cảm biến quang	Bộ	1	82.630	82.630
34	Modul cảm biến đo nhiệt độ	Bộ	1	82.630	82.630
35	Modul cảm biến đo vị trí di chuyển	Bộ	1	82.630	82.630
36	Các cảm biến, công tắc sử dụng	Bộ	1	82.630	82.630
37	Các bộ C, lưu, hộp điện trở an toàn	Bộ	2	165.250	330.500
38	Biến tần simen 2,5W 380V-6A	Cái	1	82.630	82.630
39	Máy chiếu Panasonic PTLB 78 EA	Cái	1	51.270	51.270
40	Hệ thống thí nghiệm tua bin gió ĐK PLC	Bộ	1	428.990	428.990
41	Hệ thống thí nghiệm quá trình bằng PLC	Bộ	1	428.990	428.990
42	Bàn TH TĐH trạm bơm mở hầm lò	Bộ	1	47.820	47.820
43	Bàn TH TĐH tuyến băng tải	Bộ	1	47.820	47.820
44	Thiết bị lọc tích cực 3 pha	Cái	1	82.630	82.630
45	Máy chiếu sony VPL - EX221	Cái	1	51.270	51.270
46	Thiết bị phân tích điện năng	Cái	1	82.630	82.630
47	Máy khoan lò thượng	Cái	1	267.330	267.330
48	Máy phay khoan KF 70V	Cái	1	267.330	267.330
49	Biến áp khoan AII III1 + A II4	Cái	1	82.630	82.630
50	Bơm nước LTG - 15/14 4,5 KW	Cái	1	201.770	201.770
51	Bơm nước SCM - PLUS 250 /78	Cái	1	201.770	201.770
52	Máy nén khí 1,6/5	Cái	1	201.770	201.770
53	Tủ cao áp hầm mỏ PBI-6	Cái	1	82.630	82.630
54	Quạt gió Cb M6 - 14KW	Cái	1	30.910	30.910
55	Máy tiện T12L	Cái	1	267.330	267.330
56	Quạt gió cục bộ CbM5-5,5KW	Cái	1	30.910	30.910
57	Tời điện phòng nổ	Cái	1	201.770	201.770
58	Biến áp 50 KVH	Cái	1	3.678.940	3.678.940
59	Máy hàn khí CO2 350A 611F	Cái	1	201.770	201.770
60	Máy hàn điểm tự động 20KVA vô cấp	Cái	1	201.770	201.770
61	Biến áp chiếu sáng phòng nổ TCIII	Cái	1	82.630	82.630
62	Cầu giao tự động DW80-200A	Cái	1	82.630	82.630
63	Khởi động từ QC 80N	Cái	1	82.630	82.630
64	Máy nén khí	Cái	1	201.770	201.770
65	Cầu dao tự động DW 80- 200A	Cái	1	82.630	82.630
66	Cầu dao tự động AT 1AT	Cái	1	82.630	82.630

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
67	Khởi động từ IIBU - 250	Cái	1	82.630	82.630
68	Biến áp khoan chiều sáng TC///	Cái	1	82.630	82.630
69	Máy khoan đứng	Cái	1	267.330	267.330
70	Bơm ly tâm 4,5KW	Cái	2	403.540	807.080
71	Biến áp khoan phòng nổ	Cái	2	165.250	330.500
72	Cầu dao tự động 400A	Cái	1	82.630	82.630
73	Khởi động từ phòng nổ BU-125	Cái	1	82.630	82.630
74	Khởi động từ phòng nổ BU-120	Cái	1	82.630	82.630
75	Khởi động từ phòng nổ TMBUI-41	Cái	2	165.250	330.500
76	Khởi động từ phòng nổ QC 80/120	Cái	2	165.250	330.500
77	Khởi động từ phòng nổ 120-200 D	Cái	1	82.630	82.630
78	Khởi động từ phòng nổ QC 83-80	Cái	2	165.250	330.500
79	Khởi động từ phòng nổ QBZ 200N kép	Cái	1	82.630	82.630
80	Khởi động từ phòng nổ QBZ 7-200A	Cái	2	165.250	330.500
81	Máy chiếu đa năng panasonic	Bộ	1	51.270	51.270
82	Quạt gió cục bộ CBM-5	Cái	1	30.910	30.910
83	Quạt gió CB5 - 7,5 KW	Cái	1	30.910	30.910
84	Tời JD 25	Cái	1	201.770	201.770
85	Bơm nước NT 50/54	Cái	1	201.770	201.770
86	Khởi động từ QC 83 - 80A	Cái	1	397.320	397.320
87	Biến áp khoan BZZ 2,5 KVA	Cái	1	397.320	397.320
88	Khởi động từ phòng nổ QC 83 - 120N	Cái	1	397.320	397.320
89	Biến áp khoan BZZ 2,5 KVA	Cái	1	397.320	397.320
90	Tời điện phòng nổ JD	Cái	1	201.770	201.770
91	Khởi động từ đảo chiều	Cái	1	82.630	82.630
92	Cầu dao phòng nổ AOB 2AT 350A	Cái	1	82.630	82.630
93	Dàn nẹp đèn KTSB 54	Cái	1	65.560	65.560
94	Máy nén khí phòng nổ 22KW	Cái	1	201.770	201.770
95	Tời phòng nổ JD 25 - 25 KW	Cái	1	201.770	201.770
96	Khởi động từ QC83 120A	Cái	1	82.630	82.630
97	Tời trục JD 5,5 KW	Cái	1	201.770	201.770
98	Biến áp khoan BZZ	Cái	1	82.630	82.630
99	Dàn nẹp đèn KTS 8/5	Cái	1	65.560	65.560
100	Quạt CBM5 7,5KW	Cái	1	30.910	30.910
101	Khởi động từ đảo chiều QC83-80W	Cái	2	165.250	330.500

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
102	Át tô mát AOB 200A	Cái	1	14.070	14.070
103	Biến áp khoan B224	Cái	1	82.630	82.630
104	Tời điện JD 11,4	Cái	1	201.770	201.770
105	Bơm nước LT 50/45 15KW	Cái	1	201.770	201.770
106	Bơm nước Fbara 45KW	Cái	1	201.770	201.770
107	Biến áp khoan phòng nổ	Cái	2	165.250	330.500
108	Quạt gió lò CBM	Cái	1	30.910	30.910
109	Khởi động từ QC83 80A	Cái	2	165.250	330.500
110	Khởi động từ QBZ 200A	Cái	1	82.630	82.630
111	Khởi động từ phòng nổ QC83-80NT	Cái	1	82.630	82.630
112	Khởi động từ phòng nổ	Cái	1	82.630	82.630
113	Máng cào khởi động từ	Bộ	2	165.250	330.500
114	Dàn nạp đèn KTSB/54	Cái	1	65.560	65.560
115	Dàn nạp đèn	Cái	1	65.560	65.560
116	Bơm nước phòng nổ Eba 30KW	Cái	1	936.060	936.060
117	Khởi động từ phòng nổ	Cái	1	82.630	82.630
118	Dàn nạp ác quy - Rusia	Cái	1	77.380	77.380
119	Dàn nạp ác quy - Rusia	Cái	1	77.380	77.380
120	Động cơ phòng nổ mặt bích SGB 60/22	Cái	1	201.770	201.770
121	Tời điện phòng nổ JD 25-25-KW	Cái	1	5.120.990	5.120.990
122	Khởi động từ phòng nổ JD 25-80- 120	Cái	1	462.880	462.880
123	Động cơ phòng nổ 30KW296	Cái	1	1.487.320	1.487.320
124	Máng cào đồng bộ phòng nổ	Cái	1	32.890	32.890
125	Bơm nước phòng nổ Eba 55 KW	Cái	1	1.396.020	1.396.020
126	Bơm nước phòng nổ Eba 45 KW	Cái	1	1.154.470	1.154.470
127	Bơm nước phòng nổ Eba 30 KW	Cái	1	910.330	910.330
128	Khởi động từ QBZ-200A	Cái	1	848.530	848.530
129	Khởi động từ phòng nổ QBZ7-120A	Cái	1	716.300	716.300
130	Át tô mát phòng nổ KBD 80-200A	Cái	1	77.380	77.380
131	Khởi động từ đảo chiều QC	Cái	1	82.630	82.630
132	Bơm nước LT 50/54	Cái	1	201.770	201.770
133	Khởi động từ phòng nổ QC 83 - 80A	Cái	1	82.630	82.630
134	Bơm nước phòng nổ 30KW	Cái	2	910.330	1.820.660
135	Khởi động từ phòng nổ QBZ200A	Cái	2	1.025.820	2.051.640
136	Máy ép vì chống lò	Cái	1	13.110	13.110

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
137	Chày ép vỉ chống lò	Cái	1	13.110	13.110
138	Máy nghiền búa cỡ hạt 0,3 mm	Cái	1	267.330	267.330
139	Máy nghiền tinh cỡ hạt 0,2mm	Cái	1	267.330	267.330
140	Cân phân tích PA214	Cái	1	6.560	6.560
141	Tủ sấy đôi lưu UN53	Cái	1	149.490	149.490
142	Lò nung mẫu LE6/11	Cái	1	149.490	149.490
143	Máy cất nước 1 lần Model WSB	cái	1	32.780	32.780
144	Máy khuấy từ gia nhiệt	cái	1	142.670	142.670
145	Máy đo pH để bàn	cái	1	3.280	3.280
146	Cân điện tử	cái	1	149.490	149.490
147	Tủ hút	Cái	1	98.340	98.340
148	Máy tính để bàn - Loại A	Bộ	1	59.990	59.990
149	Dụng cụ đo điện	Bộ	1	45.950	45.950
150	Đo điện trở bằng mạch cầu 1 chiều, đo suất điện động bằng mạch xung đối	Bộ	1	82.630	82.630
151	Khảo sát sóng dừng trên sợi dây	Bộ	1	13.110	13.110
152	Khảo sát mạch cộng hưởng nối tiếp bằng dao động ký điện tử	Bộ	1	13.110	13.110
153	Thiết bị thí nghiệm vật lý	Cái	1	39.450	39.450
154	Máy chiếu OPTOMAPJ666	Cái	1	51.270	51.270
155	Máy đo áp lực cột chống	Cái	1	24.930	24.930
156	Máy đo tốc độ gió 10201-20	Cái	1	24.930	24.930
157	Máy tính để bàn - Loại A	Bộ	6	59.990	359.940
158	Máy chiếu đa năng panasonic	Cái	1	51.270	51.270
159	Máy kinh vĩ DT 5	Cái	1	51.250	51.250
160	Máy toàn đạc quang học DACLTA010B	Cái	2	51.250	102.500
161	Máy nén đất cố kết tam liên 1 trục	Cái	1	191.900	191.900
162	Máy cắt đất 2 tốc độ ZJ	Cái	1	142.670	142.670
163	Điều hoà nhiệt độ Panasonic	Cái	1	248.320	248.320
164	Máy tính xách tay HP435-QC552P	Bộ	1	59.990	59.990
165	Ổn áp lioa 30KVA 3 pha	Cái	1	82.630	82.630
166	Máy bơm hỏa tiễn	Cái	1	201.770	201.770
167	Máy chiếu đa năng panasonic	Cái	2	51.270	102.540
168	Máy chiếu đa năng panasonic	Cái	1	51.270	51.270
169	Máy phô tô RICON 2591	Cái	1	151.410	151.410
170	Máy photocopy Ricoh Aficio 2075	Cái	1	151.410	151.410

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
171	Máy tính xách tay HP435-QC552P	Bộ	1	59.990	59.990
172	Máy chiếu đa năng panasonic	Cái	1	51.270	51.270
173	Máy chấm thi trắc nghiệm	Cái	1	43.820	43.820
174	Máy in bằng tốt nghiệp Olivetti PR2	Cái	1	53.700	53.700
175	Máy tính xách tay AUSX42F	Bộ	1	59.990	59.990
176	Máy tính xách tay AUSX42F	Bộ	1	59.990	59.990
177	Ciso 1841	Cái	1	37.270	37.270
178	Máy chủ E lead SVR SP 330	Cái	1	102.830	102.830
179	Điều hoà nhiệt độ 9720 BTU Panasonic (S10KKH-8)	Cái	1	310.580	310.580
180	USB Santak C2K	Bộ	1	5.280	5.280
181	Máy tính xách tay AUSX42F	Bộ	1	59.990	59.990
182	Máy tính xách tay Asus P450LD	Cái	2	59.990	119.980
II	Danh mục CCDC bán thanh lý				
1	Máy tính để bàn ASUS P8H61-MX/SI	Bộ	1	59.990	59.990
2	Mô hình xe Mazda 12 chỗ	Chiếc	1	2.294.640	2.294.640
3	Êtô	Bộ	1	131.120	131.120
4	Máy tính để bàn ASUS P8H61-MX/SI	Bộ	1	59.990	59.990
5	Bơm xăng ô tô	Cái	1	146.560	146.560
6	Máy Đề ô tô	Cái	1	70.290	70.290
7	Máy phát điện ô tô	Cái	1	96.060	96.060
8	Xe đẩy đựng đồ	Cái	1	32.780	32.780
9	Máy phát điện ô tô dùng cho xe Toyota Camry	Cái	1	105.310	105.310
10	Bộ đề khởi động điện ô tô Honda Civic	Cái	1	32.890	32.890
11	Chậu rửa tay	Bộ	1	13.500	13.500
12	Máy phun sơn	Cái	1	30.190	30.190
13	Máy mài góc	Cái	1	142.670	142.670
14	Lioa (10.000 KVA, 20.000KWA)	Cái	1	56.420	56.420
15	Máy vi tính PIV2,06 GHZ	Bộ	24	59.990	1.439.760
16	Máy chủ SERRES	Bộ	1	29.850	29.850
17	Máy tính xách tay Acer	Cái	1	59.990	59.990
18	Máy chiếu Panasonic PT- LB55EA	Cái	1	51.270	51.270
19	Bộ máy tính Case ATXP4	Bộ	1	59.990	59.990
20	Máy tính để bàn - Loại B	Bộ	15	59.990	899.850
21	Máy tính để bàn	Bộ	10	59.990	599.900

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
22	Máy tính G 31/CPU 2200	Bộ	2	59.990	119.980
23	Máy tính để bàn	Bộ	2	59.990	119.980
24	Máy tính để bàn SVM538	Bộ	1	47.820	47.820
25	Máy in Printer Lase canon LBP2900	Cái	1	53.700	53.700
26	Máy tính để bàn	Cái	8	59.990	479.920
27	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	1	59.990	59.990
28	Máy tính để bàn	Cái	40	59.990	2.399.600
29	Máy in	Cái	1	53.700	53.700
30	Máy tính để bàn ASUS P8H61- MX/SI	Cái	1	59.990	59.990
31	Máy vi tính CPU PIV 1,5 (B-10-TK- MVT-2002-CC-01)	Cái	1	59.990	59.990
32	Máy đánh rạch YRAL- 33	Cái	1	2.442.300	2.442.300
33	Máy bơm đá nén khí 2K-5	Cái	1	1.917.810	1.917.810
34	Máy bơm đá	Cái	1	1.852.250	1.852.250
35	Biến áp khoan 3 pha OZTU 0351	Cái	1	586.290	586.290
36	Biến áp khoan A 4KVA	Cái	1	586.290	586.290
37	Biến áp khoan B22 (Khoa Mô chuyển sang 20/12/2011)	Cái	1	586.290	586.290
38	Biến áp khoan BZZ 2,5 KVA	Cái	1	586.290	586.290
39	Biến áp khoan BZZ 4 KVA	Cái	1	586.290	586.290
40	Biến áp khoan BZZ	Cái	1	586.290	586.290
41	Biến áp khoan BAI4	Cái	1	586.290	586.290
42	Biến áp hàn	Cái	1	586.290	586.290
43	Máy mài hai đá S8R350	Cái	1	586.290	586.290
44	Máy cắt II/// -6	Cái	1	324.040	324.040
45	Máy nén khí Z0B-51	Cái	1	201.770	201.770
46	Rơ le YAKU-127	Cái	1	82.630	82.630
47	Tàu điện AK-2Y	Cái	1	131.120	131.120
48	Bộ TN động cơ 1 và 3 pha	Cái	1	201.770	201.770
49	Bộ TN máy phát 1 và 3 pha	Cái	1	32.890	32.890
50	Mô hình điều khiển máy công cụ	Cái	1	295.030	295.030
51	Máy mài cắt kim loại d = 125	Cái	1	142.670	142.670
52	Bộ thí nghiệm biến áp	Cái	1	82.630	82.630
53	Khởi động từ OWSD 01A6Z	Cái	1	82.630	82.630
54	Khởi động từ BU250 bT	Cái	1	82.630	82.630
55	Khởi động từ MBUP	Cái	1	82.630	82.630
56	Khoan điện cầm tay	Cái	1	82.970	82.970

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
57	Biến áp khoan phòng nổ	Cái	1	763.570	763.570
58	Mô hình đồng bộ hai máy phát	Cái	1	446.000	446.000
59	Máy cắt Makita LS 1013	Cái	1	227.900	227.900
60	Bộ TN máy biến áp	Cái	1	82.630	82.630
61	Máy chiếu hắt để bàn 639- 400-4300 Lumen s	Cái	1	51.270	51.270
62	Đồng hồ mê gôm kế 1000 V3 3166	Cái	1	11.620	11.620
63	Cầu giao AB315- 400A	Cái	1	82.630	82.630
64	Khởi động từ BQD 120-200A	Cái	1	82.630	82.630
65	Khởi động từ QC83-120A	Cái	1	82.630	82.630
66	Khởi động từ IIBU-23M	Cái	1	82.630	82.630
67	Khởi động từ IIBU-11	Cái	1	82.630	82.630
68	Khởi động từ phòng nổ IIBU 41-61	Cái	1	82.630	82.630
69	Rơ le rò JY 82/380	Cái	1	82.630	82.630
70	Rơ le rò JY 127B	Cái	1	82.630	82.630
71	Khởi động từ QC 83-120A	Cái	1	82.630	82.630
72	Khởi động từ IIBU -23M	Cái	1	82.630	82.630
73	Rơ le rò JY 82/380	Cái	1	82.630	82.630
74	Rơ le rò JY 127B	Cái	1	82.630	82.630
75	Biến áp khoan AII ///	Cái	1	82.630	82.630
76	Biến áp khoan BZZ 4KVA	Cái	1	82.630	82.630
77	Biến áp khoan phòng nổ BZZ-25/24	Cái	1	82.630	82.630
78	Biến áp khoan phòng nổ BZZ-25/24	Cái	1	82.630	82.630
79	Rơle bảo vệ rò điện AKA-380V	Cái	1	28.780	28.780
80	Rơle bảo vệ rò điện AKA-380V	Cái	1	28.780	28.780
81	Lò nung nhiệt độ 1200C	Cái	1	149.490	149.490
82	Bàn điều khiển của giáo viên	Cái	1	47.820	47.820
83	Bàn thực hành học sinh	Cái	8	163.900	1.311.200
84	Bàn thực hành học sinh	Cái	2	95.650	191.300
85	Máy inlazel HP 3015	Cái	1	53.700	53.700
86	Máy vi tính PIV 2,4 GHZ	Cái	1	59.990	59.990
87	Máy vi tính PIV 2,4 GHZ	Cái	1	59.990	59.990
88	Máy tính AT 586/267	Cái	1	59.990	59.990
89	Bàn máy vi tính	Cái	1	47.820	47.820
90	Bộ TN máy điện 1 chiều 2,5W	Cái	1	32.890	32.890
91	Máy tính để bàn HP-2111L	Bộ	1	59.990	59.990

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
92	Máy tính để bàn SVM538	Bộ	2	95.650	191.300
93	Động cơ nổ 20 IIC-3	Bộ	1	201.770	201.770
94	Trục bánh xe goòng	Bộ	2	65.560	131.120
95	Thiết bị chống giữ lò chợ bằng cột	Cái	700	13.110	9.177.000
96	Máy tính cho giáo viên TLG	Bộ	2	59.990	119.980
97	Máy in canon LBP 2900	Cái	1	53.700	53.700
98	Máy tính để bàn ASUS P8H61- MX/SI	Bộ	1	59.990	59.990
99	Bộ thí nghiệm đặc tính I ốt	Cái	1	32.890	32.890
100	Bộ TN XD ánh sáng bằng giao thoa	Cái	1	32.890	32.890
101	Bộ KS CĐ của electron trong từ trường	Cái	1	32.890	32.890
102	Thiết bị ghép nối máy tính đa năng	Cái	1	59.990	59.990
103	Máy phát tần số bài sóng dừng	Cái	1	32.780	32.780
104	Đồng hồ đo thời gian bài thí nghiệm đo gia tốc trọng trường bằng con lắc thuận nghịch	Cái	1	6.560	6.560
105	Máy tính để bàn ASUS P8H61- MX/SI	Bộ	1	59.990	59.990
106	Máy tính để bàn SVM538	Cái	1	47.820	47.820
107	Quạt cây + quạt treo tường	Cái	1	30.910	30.910
108	Tủ sắt Xuân Hòa	Cái	2	236.020	472.040
109	Bộ khảo sát chuyển pha	Cái	1	32.890	32.890
110	Khảo sát chuyển động của election	Cái	1	19.670	19.670
111	Máy tính để bàn	Cái	1	59.990	59.990
112	Bộ máy tính Case ATXP4	Cái	2	59.990	119.980
113	Máy chiếu đa năng panasonic	Cái	1	51.270	51.270
114	Máy tính để bàn	Cái	2	59.990	119.980
115	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	1	59.990	59.990
116	Máy tính để bàn HP-2111L	Cái	1	59.990	59.990
117	Bộ máy tính ISTC-004	Cái	1	59.990	59.990
118	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
119	Quạt treo tường	Cái	4	30.910	123.640
120	Tủ sắt Xuân Hòa kính sắt	Cái	4	163.900	655.600
121	Tủ sắt 6 ngăn cánh mở	Cái	2	236.020	472.040
122	Máy tính để bàn ASUS P8H61- MX/SI	Cái	2	59.990	119.980
123	Xà	Cái	2	32.780	65.560
124	Búa khoan hơi khí ép	Cái	1	268.980	268.980

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
125	Xẻng	Cái	6	13.110	78.660
126	Choòng khoan dài 1,8m	Cái	1	32.780	32.780
127	Choòng khoan ngắn 1,2m	Cái	2	22.950	45.900
128	Cột thủy lực	Cái	3	13.110	39.330
129	Búa lò	Cái	45	6.560	295.200
130	Quạt cây	Cái	1	30.910	30.910
131	Cáng cứu thương	Cái	2	26.220	52.440
132	Quạt cây QĐ - MS	Cái	2	30.910	61.820
133	Máy tính để bàn	Cái	1	59.990	59.990
134	Máy in	Cái	1	53.700	53.700
135	Giá treo quần áo ZA-13-00	Cái	2	65.560	131.120
136	Kết sắt	Cái	1	158.120	158.120
137	Quạt cây QĐ M400-Đk	Cái	2	30.910	61.820
138	Máy in Canon 2900	Cái	1	53.700	53.700
139	Tủ đựng tài liệu (tủ sắt XH)	Cái	1	118.010	118.010
140	Búa chèn	Cái	2	59.120	118.240
141	Búa khoan YO18	Cái	2	59.120	118.240
142	Máy in HP LAZER	Cái	1	53.700	53.700
143	Máy tính G 31/CPU 2200	Cái	1	59.990	59.990
144	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	2	59.990	119.980
145	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	1	59.990	59.990
146	Máy tính để bàn HP-2111L	Cái	1	59.990	59.990
147	Máy in Ricoh SP325NDW (VP)	Cái	1	53.700	53.700
148	Bơm chìm 7,5 kw	Cái	1	201.770	201.770
149	Bơm môi nước	Cái	1	201.770	201.770
150	Âm ly liền Mixer TOA 360W (Cơ sở 2)	Cái	1	154.990	154.990
151	Âm ly California (GĐ)	Cái	2	154.990	309.980
152	Bàn ghế học sinh (GĐ)	Cái	150	55.150	8.272.500
153	Bình đựng nước Inox 10 lít (GĐ)	Cái	2	65.560	131.120
154	Loa + giá treo loa California SP (GĐ)	Cái	10	46.010	460.100
155	Quạt trần (GĐ)	Cái	20	30.910	618.200
156	Ghế tựa nhựa (Nhà ăn)	Cái	40	5.400	216.000
157	Nồi cơm điện Nhật to (Nhà ăn)	Cái	1	28.170	28.170
158	Bếp ga công nghiệp (Nhà ăn)	Cái	2	19.670	39.340
159	Giường sắt cũ	Cái	95	46.110	4.380.450

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
160	Giường màu trắng	Cái	10	46.110	461.100
161	Quạt cây QĐ - MS (CS2)	Cái	1	30.910	30.910
162	Cây treo áo (CS2)	Cái	1	65.560	65.560
163	Ôn áp Standa 30000KVA (CS2)	Cái	1	82.630	82.630
164	Micro không dây SHURE UR-X9 (CS2)	Cái	2	8.010	16.020
165	Micro TOA (có dây kèm theo): CS2	Cái	1	8.010	8.010
166	Ghế gấp Xuân Hòa GI 15-07: CS2	Cái	2	95.650	191.300
167	Giá tài liệu (cs 2)	Cái	1	131.120	131.120
168	Giá đỡ tivi (CS2)	Cái	1	51.450	51.450
169	Bàn vi tính màn hình ở phía dưới được đỡ bằng giá sắt một bên để có tủ kín có khóa để bảo vệ CPU	Cái	2	95.650	191.300
170	Tôn hồng thu hồi	Cái	300	26.220	7.866.000
171	Tủ đựng tài liệu	Cái	1	118.010	118.010
172	Tủ lạnh	Cái	2	300.380	600.760
173	Cây nước nóng	Cái	1	99.730	99.730
174	Quạt cây	Cái	1	30.910	30.910
175	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
176	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
177	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
178	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
179	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
180	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
181	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
182	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
183	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
184	Điều Hòa Nagakawa	Cái	1	248.320	248.320
185	Quạt cây	Cái	2	30.910	61.820
186	Quạt cây	Cái	7	30.910	216.370
187	Máy tính để bàn HP-2111L	Cái	1	59.990	59.990
188	Máy tính để bàn SVM538	Cái	1	59.990	59.990
189	Quạt Cây	Cái	3	30.910	92.730
190	Bàn máy vi tính	Cái	1	47.820	47.820
191	Tủ đựng tài liệu CA 2CS1 915*450*1830	Cái	1	118.010	118.010
192	Tủ sắt đựng tài liệu (2 cánh trượt)	Cái	2	236.020	472.040
193	Tủ sắt đựng tài liệu CA-3ALG	Cái	1	163.900	163.900

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
194	Quạt cây QĐ - MS	Cái	2	30.910	61.820
195	Máy in	Cái	1	53.700	53.700
196	Bộ bàn ghế Salon đệm bọc da gồm: 02 ghế văng dài, 02 ghế đứng, 01 bàn kính	Cái	1	47.820	47.820
197	Máy inlazel HP 3015	Cái	1	53.700	53.700
198	Bộ máy tính Pentium 43.0(2x256MB)	Cái	1	59.990	59.990
199	Máy in HP 1320	Cái	1	53.700	53.700
200	Điều hoà 12000BTU;12ĐH9000BTU	Cái	1	310.580	310.580
201	Máy in HP3055	Cái	1	53.700	53.700
202	Máy in 2900	Cái	1	53.700	53.700
203	Máy tính để bàn	Cái	1	59.990	59.990
204	Điều hoà 12000BTU;12ĐH9000BTU	Cái	1	310.580	310.580
205	Máy tính G 31/CPU 2200	Cái	1	59.990	59.990
206	Máy in Oliveti PRL Plus	Cái	1	53.700	53.700
207	Máy tính để bàn	Cái	2	59.990	119.980
208	Máy phô tô Sharp AR-M 201	Cái	1	151.410	151.410
209	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	1	59.990	59.990
210	Máy in canon MF4412-A4	Cái	1	53.700	53.700
211	Máy tính để bàn HP-2111L	Cái	1	59.990	59.990
212	Tủ đựng tài liệu	Cái	6	163.900	983.400
213	Máy in Printer HP3050/Cable	Cái	1	53.700	53.700
214	Điều hòa	Cái	2	248.320	496.640
215	Quạt cây đứng	Cái	1	30.910	30.910
216	Máy tính để bàn HP-2111L	Cái	1	59.990	59.990
217	Bộ máy tính ISTC-004	Cái	2	59.990	119.980
218	Máy tính để bàn SVM538	Cái	1	47.820	47.820
219	Máy tính để bàn	Cái	1	59.990	59.990
220	Máy tính để bàn	Cái	1	59.990	59.990
221	Máy phô tô copy 5516D	Cái	1	151.410	151.410
222	Ti vi Sony14 inch	Cái	1	51.450	51.450
223	Máy tính AT 586/267	Cái	1	59.990	59.990
224	Máy in canon LBP 2900	Cái	1	53.700	53.700
225	Máy tính G 31/CPU 2200	Cái	1	59.990	59.990
226	Máy tính để bàn	Cái	2	59.990	119.980
227	Máy tính bàn HP - Compaq LCD	Cái	1	59.990	59.990

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
228	Quạt treo tường	Cái	1	30.910	30.910
229	Quạt trần	Cái	5	30.910	154.550
230	Tủ sấy	Cái	2	298.980	597.960
231	Tủ bảo ôn	Cái	1	149.490	149.490
232	Máy in Panasonic	Cái	1	53.700	53.700
233	Quạt đứng	Cái	1	30.910	30.910
234	Máy phun Bosch Aquatak-35-12	Cái	1	62.980	62.980
235	Quạt Iruka I-88	Cái	2	30.910	61.820
236	Asus 2GB GT610-SL	Cái	17	3.000	51.000
237	Tủ thấp kính 1 đợt	Cái	1	88.970	88.970
238	Tủ thấp cánh trượt một đợt	Cái	2	236.020	472.040
239	Máy tính để bàn SVM538	Bộ	2	95.650	191.300
240	Điều hòa LG JC- 12T1.S1	Cái	1	248.320	248.320
241	Máy khuấy JJ-1	Cái	1	142.670	142.670
242	Lò nung nhiệt độ 1000 (độC)	Cái	1	780.230	780.230
243	Tủ sấy 300 (độ C)	Cái	1	149.490	149.490
244	Lò nung	Cái	1	149.490	149.490
245	Tủ sấy	Cái	1	149.490	149.490
246	Máy chung cất nước	Cái	1	149.490	149.490
247	Giường sắt cũ	Cái	32	46.110	1.475.520
248	Phần míc	Hộp	114		Không có giá trị thu hồi
249	Bìa A0 nội	Tờ	100		Không có giá trị thu hồi
250	Bìa A0 xanh	Tờ	50		Không có giá trị thu hồi
251	Gỗ chống lò thực tập	M3	2		Không có giá trị thu hồi
252	Gỗ dán 5 lớp	M2	7		Không có giá trị thu hồi
253	Gỗ ni tô	Mét	2		Không có giá trị thu hồi
254	Gỗ ván 2cm * 250cm * 20cm	Tám	5		Không có giá trị thu hồi
255	Gỗ ván 1cm * 250cm * 20cm	Tám	6		Không có giá trị thu hồi
256	Gỗ xẻ đóng chân giường	Mét	40		Không có giá trị thu hồi
257	Gỗ học sinh thực tập	M3	3		Không có giá trị thu hồi
258	Giấy A0	Gram	70		Không có giá trị thu hồi

STT	Danh mục TSCĐ, CCDC, vật tư bán thanh lý	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
259	Keo silicon	Lọ	20		Không có giá trị thu hồi
260	Keo thang nhon18	Lọ	2		Không có giá trị thu hồi
261	Mỡ bơm	Kg	112		Không có giá trị thu hồi
262	Mỡ láp	Lít	149		Không có giá trị thu hồi
263	Xăng A83	Lít	20		Không có giá trị thu hồi
264	Sơn đỏ	Kg	3		Không có giá trị thu hồi
265	Sơn đen tổng hợp, chống rỉ	Kg	3		Không có giá trị thu hồi
266	Sơn ghi	Kg	4		Không có giá trị thu hồi
267	Sơn xanh	Kg	11		Không có giá trị thu hồi
268	Chổi quét sơn	Cái	14		Không có giá trị thu hồi
269	Cao su non	Cuộn	28		Không có giá trị thu hồi
270	Dầu CN90	Lít	2		Không có giá trị thu hồi
271	Dầu máy các loại	Lít	1		Không có giá trị thu hồi
272	Giấy giáp	Tờ	7		Không có giá trị thu hồi
273	Cầu phong	Mét	29		Không có giá trị thu hồi
274	Thước kẹp nhựa nhỏ	Cái	7		Không có giá trị thu hồi
275	Thước kẹp nhựa to	Cái	10		Không có giá trị thu hồi
276	Thước lô ga rít tròn	Cái	9		Không có giá trị thu hồi
277	Thước lo ga rít bao da	Cái	2		Không có giá trị thu hồi
III	Phế liệu thu hồi sau phá dỡ				
1	Đồng	Kg	6	236.380	1.418.280
2	Sắt	Kg	60	6.560	393.600
3	Vật liệu khác	Kg	40	3.000	120.000
	Tổng cộng				151.533.930
	Làm tròn				151.534.000
Bảng chữ: Một trăm năm mươi một triệu, năm trăm ba mươi tư ngàn đồng chẵn.					

Quảng Ninh, ngày tháng 10 năm 2026

**PHIẾU ĐĂNG KÝ MUA TÀI SẢN, CÔNG CỤ DỤNG CỤ, VẬT TƯ THANH LÝ
NĂM 2026 THEO HÌNH THỨC CHỈ ĐỊNH**

1. Tên đơn vị/cá nhân đăng ký mua:.....
.....
- 2 ⁽¹⁾. CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng số:.....,
cấp ngày.....
- 3 ⁽²⁾. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số:.....,
cấp ngày.....
Mã số thuế:.....
Người đại diện:....., Chức vụ:.....
CCCD/Hộ chiếu còn trong thời hạn sử dụng số:.....,
cấp ngày.....
4. Địa chỉ:
5. Điện thoại liên hệ:.....
6. Tài sản đăng ký mua: Lô tài sản, công cụ dụng cụ, vật tư thanh lý theo Thông báo số 590/TB-ĐHCNQN ngày 21/10/2026 về việc Bán thanh lý tài sản tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật tư theo hình thức chỉ định của Trường Đại học Công nghiệp Quảng Ninh.

NGƯỜI ĐĂNG KÝ⁽³⁾

***Ghi chú:**

- (1) Áp dụng riêng đối với người mua là cá nhân
- (2) Áp dụng riêng đối với người mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp.
- (3) Nếu người đăng ký mua là cá nhân thì cá nhân ký, ghi rõ họ tên; nếu người đăng ký mua là cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thì người đại diện ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu